

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T sinh năm 1980 (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công B sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Công B quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng gần một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2000.

Theo chị T, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng giữa năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh B không đi làm để tạo lập

kinh tế gia đình, mặt khác anh B còn hay ghen tuông vô cớ dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát mặc dù không để lại thương tích nhưng làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Khoảng đầu năm 2022, do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nên chị T đã về nhà cha mẹ để sống và nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, vì thương con nên chị T lại quay về nhà nhưng không phải để hàn gắn tình cảm với anh B mà để chăm sóc cho con chung. Tuy nhiên, anh B lại thường xuyên uống rượu rồi có những lời lẽ xúc phạm chị T nặng nề thậm chí còn dùng dao để “đe dọa” chị T nên chị T đã nhờ Công an xã Gia Tân 2 can thiệp giải quyết và tiến hành hòa giải để anh B chấm dứt hành vi chửi bới và đe dọa chị T. Tuy vợ chồng vẫn còn sống chung nhà với nhau nhưng không ai quan tâm đến ai, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công B.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tuyết K, sinh ngày 19/01/2002 (đã thành niên và có khả năng lao động) và cháu Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 05/12/2008. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triết. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Hoàng Thị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Công B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Công B được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 05/12/2008 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Cháu Nguyễn Hoàng Tuyết K đã thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - chị Hoàng Thị T có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Nguyễn Công B. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Công B tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này mặc dù không được anh B thừa nhận nhưng phù hợp với kết quả xác minh ngày 29/4/2022 tại Công an xã G, huyện T: “... *Chị Hoàng Thị T có đến trình báo về mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Công B. Công an xã đã đến nhà xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.*”. Mặt khác, trong quá trình tố tụng anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh B biết rõ Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà anh B được xác định là bị đơn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân anh B không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh B có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tuyết K, sinh ngày 19/01/2002 (đã thành niên và có khả năng lao động) và cháu Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 05/12/2008.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Triết và yêu cầu này của chị T phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Triết cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị T hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị T không yêu cầu nên tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định không có nợ chung và tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 5 và Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Hoàng Thị T.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Công B được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 05/12/2008 cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cháu Nguyễn Hoàng Tuyết K đã thành niên và có khả năng lao động.

2.2 Anh Nguyễn Công B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Nguyễn Công B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hoàng Thị T không yêu cầu.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003635 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã G, huyện T;
(GNCKH số 97/2000)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang